

Số: 614 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng Khu tái định cư phường Thống Nhất - Tân Mai 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024;



Trên cơ sở Văn bản thẩm định số 396/STC-HĐTĐGD ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh về việc quyết định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phường Thống Nhất - Tân Mai 2, thành phố Biên Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 99/TTr-STNMT ngày 26 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng khu tái định cư phường Thống Nhất - Tân Mai 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung sau:

1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất định giá

a) Mục đích định giá đất: Xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng khu tái định cư phường Thống Nhất - Tân Mai 2, thành phố Biên Hòa.

b) Các thông tin về khu đất định giá:

- Diện tích đất định giá: 51.646,4 m².

- Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị, đất nghĩa địa, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản.

- Vị trí, ranh giới khu đất: Được xác định theo tờ Trích lục và đo chỉnh lý khu đất bản đồ địa chính số 2055/2020 tỷ lệ 1:500 do Văn phòng đăng ký Đất đai chi nhánh Biên Hoà ký thực hiện ngày 28/4/2020 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh ký kiểm tra ngày 28/4/2020.

2. Phê duyệt kết quả định giá đất

Giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Hạ tầng khu tái định cư phường Thống Nhất - Tân Mai 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng/m².

Số TT	Diễn giải	Vị trí	Ký hiệu loại đất	Giá đất định giá
A	Đất ở đô thị			
1	Đường Huỳnh Văn Hón	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	ODT	35.792.000
		VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)		28.633.600
		VT3 (hẻm nhựa, bê tông)		17.840.000
		VT3 (hẻm đất)		15.858.000
		VT4 (hẻm nhựa, bê tông)		10.291.000
		VT4 (hẻm đất)		9.262.000
		VT4 (không giáp hẻm)		8.815.000

Số TT	Diễn giải	Vị trí	Ký hiệu loại đất	Giá đất định giá
2	Đường Phạm Văn Thuận	VT2 (hẻm nhựa, bê tông)	ODT	22.631.000
		VT2 (hẻm đất)		19.802.000
		VT4 (hẻm nhựa, bê tông)		13.722.000
		VT4 (hẻm đất)		12.198.000
		VT4 (không giáp hẻm)		11.535.000
B	Đất nghĩa địa			
1	Đường Huỳnh Văn Hớn	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	NTD	18.395.000
		VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)		14.716.000
		VT1 (Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất)		9.197.500
		VT3 (hẻm nhựa, bê tông)		8.998.000
		VT3 (hẻm đất)		7.809.000
		VT4 (hẻm nhựa, bê tông)		5.289.000
		VT4 (hẻm đất)		4.672.000
C	Đất nông nghiệp			
1	Đất nông nghiệp đường Phạm Văn Thuận (phường Thống Nhất, phường Tân Mai)	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	CLN, BHK	5.354.000
		VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)		4.283.200
		VT2		3.440.000
		VT3		2.793.000
		VT4		2.590.000
2	Đất nông nghiệp đường Huỳnh Văn Hớn (phường Thống Nhất, phường Tân Mai)	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	CLN, BHK	5.072.000
		VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)		4.057.600
		VT2		3.291.000
		VT3		2.647.000
		VT4		2.454.000
3	Đất nuôi trồng thủy sản đường Phạm Văn Thuận (phường Thống Nhất và phường Tân Mai)	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	NTS	5.354.000
		VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)		4.283.200
		VT2		3.440.000
		VT3		2.793.000
		VT4		2.590.000
4	Đất nuôi trồng thủy sản đường Huỳnh Văn Hớn (phường Thống Nhất và phường	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	NTS	5.072.000
		VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)		4.057.600
		VT2		3.291.000



Số TT	Diễn giải Tân Mai)	Vị trí	Ký hiệu loại đất	Giá đất định giá
		VT3		2.647.000
		VT4		2.454.000

3. Việc xác định vị trí từng thửa đất để tính tiền bồi thường được thực hiện theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024.

Điều 2. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa tính toán lập phương án bồi thường về đất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Mai, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, PVB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *hlay*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



auo
Võ Tấn Đức